TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/7/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bình Triệu

2. Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Trần Huy Tr, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Chị và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 09/02/2011. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng nên anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Huy Tr.

Về con chung: Chị và anh Tr có 01 người con chung tên Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 01/10/2011, hiện nay cháu Nh do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị D và anh Tr chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị D yêu cầu ly hôn với anh Tr. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị D và anh Tr được ly hôn. Con chung tên Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 01/10/2011 cần tiếp tục giao cho chị D nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xét. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trần Huy Tr. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Tr có địa chỉ tại ấp 2, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, có tống đạt hợp lệ cho anh Tr nhưng anh Tr không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị D và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản

tố tụng này cho chị D và anh Tr nhưng chị D có đơn xin vắng mặt, anh Tr vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh Tr theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Huy Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại xã Đ, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 09/02/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị D cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2014 đến nay nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Tr. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 10/6/2020. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị D và anh Tr có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Tr vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị D và anh Trần Huy Tr được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh Tr có 01 người con chung tên Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 01/10/2011. Xét thấy, cháu Nh hiện tại chị D đang nuôi dưỡng, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Đồng thời cháu Nh đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng với chị D. Do đó, cần tiếp tục giao cháu Nh cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Tr không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 04/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện tại không ai khiếu kiện chị D và anh Tr về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trần Huy Tr được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Tuyết Nh, sinh ngày 01/10/2011 (giới tính nữ) cho chị Nguyễn Thị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Huy Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 04 tháng 5 năm 2020 chị D có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0011142 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Tr vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Đ, huyện Đông Hải;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa